

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG CẤU TRÚC QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẠI VIỆT NAM

Phan Thị Cẩm Lai¹

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, Việt Nam ngày càng quan tâm về vấn đề quản trị công ty và mô hình thành viên hội đồng quản trị độc lập (Independent director - ID) được đưa ra như là một giải pháp cải thiện hoạt động quản trị tại các công ty, đặc biệt là công ty cổ phần. Với đặc trưng hệ thống pháp luật ở Việt Nam, chúng ta có mô hình nơi mà một ủy ban giám sát (Ban kiểm soát) được thành lập trong cấu trúc quản trị công ty. Vì cả Ban kiểm soát và ID đều thực hiện hoạt động giám sát, chức năng này của cả hai có thể trùng lặp nhau. Bài viết này thảo luận về sự tương quan giữa ID và Ban kiểm soát, đưa ra một số kiến nghị cho việc cải thiện hiệu quả hoạt động tại Việt Nam. Đặc biệt, bài viết trình bày cách thức làm thế nào để ID và Ban kiểm soát có thể cùng tồn tại trong cơ cấu quản trị công ty tại Việt Nam. Tác giả đưa ra kiến nghị: Ban kiểm soát nếu có sự cải thiện quyền hạn và cơ cấu tổ chức của mình sẽ là một cơ chế bổ sung hiệu quả nhằm giảm bớt các khiếm khuyết còn tồn tại trong mô hình ID. Cần xây dựng một hệ thống pháp luật phù hợp cho các ID và Ban kiểm soát hoạt động hiệu quả.

Từ khóa: *Quản trị công ty, thành viên hội đồng quản trị độc lập, ban kiểm soát*

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, để tồn tại và phát triển đòi hỏi phải nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Quản trị công ty tốt là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa các nguồn lực. Trên bình diện quốc gia, việc tạo ra một khuôn khổ pháp lý và thực thi tốt quản trị công ty có ý nghĩa rất lớn trong việc thu hút đầu tư, đa dạng hóa các quan hệ hợp tác và thúc đẩy liên kết kinh tế quốc tế. Trong các công ty cổ phần luôn tồn tại nguy cơ xung đột về lợi ích giữa một bên là cổ đông - người sở hữu vốn với một bên là những người quản lý,

điều hành công ty - người trực tiếp quản lý sử dụng vốn. Những người quản lý điều hành công ty không phải bao giờ cũng là cổ đông nắm giữ phần vốn góp đáng kể và vì vậy có thể họ sẽ ưu tiên cho các quyền lợi cá nhân, quyền lợi nhóm hơn là quyền lợi của đa số cổ đông. Do đó pháp luật về quản trị doanh nghiệp của các quốc gia cũng như những quy định của các thị trường niêm yết thường yêu cầu trong cơ cấu Hội đồng quản trị công ty phải có một cơ chế quản lý và giám sát hiệu quả, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền lực của những người quản lý công ty, góp phần

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: phanlai38@yahoo.com

bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cổ đông, nhất là những cổ đông nhỏ.

Trong mô hình quản trị công ty cổ phần theo cấu trúc hội đồng đơn kiểu Anh - Mỹ chỉ có 2 bộ phận chính là Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị và không có một cơ quan chuyên trách làm nhiệm vụ giám sát như Ban kiểm soát ở Việt Nam. Về nguyên tắc, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu chọn các thành viên của Hội đồng quản trị. Mọi quyền lực và các vấn đề của công ty được pháp luật trao cho Hội đồng quản trị, trừ những vấn đề mà pháp luật hoặc điều lệ công ty quy định phải thuộc về Đại hội đồng cổ đông [1]. Trong đó, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập (ID) sẽ đảm nhiệm chức năng giám sát hoạt động của bộ phận điều hành và xem xét, đánh giá một cách độc lập về các quyết định quản trị của Hội đồng quản trị. Khác với mô hình quản trị một tầng của các quốc gia thuộc dòng họ luật Anh - Mỹ, trong cơ cấu quản lý công ty cổ phần Việt Nam có những đặc trưng riêng, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và bộ phận thực hiện chức năng giám sát là Ban kiểm soát. Theo đó, Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Ban giám đốc là bộ phận chịu trách nhiệm điều hành, phát triển chiến lược kinh doanh của công ty. Ban giám sát bao gồm những thành viên do Đại

hội đồng cổ đông bầu và có chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của bộ máy quản trị¹ [2].

Như vậy, ID là di sản của hệ thống luật Anglo-Saxon, tiêu biểu là Mỹ, Ban kiểm soát là sản phẩm đặc trưng trong cấu trúc quản trị theo mô hình của Việt Nam. Mô hình ID chủ yếu được khuyến nghị áp dụng trong các công ty niêm yết trong khi Ban kiểm soát tồn tại trong nhiều loại hình doanh nghiệp mà không phân biệt doanh nghiệp đó có niêm yết

¹ Theo quy định khoản tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014: “1. Công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;

b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.” Như vậy yêu cầu thành lập Ban kiểm soát không phải là điều kiện bắt buộc trong mọi trường hợp mà chỉ áp dụng khi công ty cổ phần có trên 11 cổ đông là cá nhân hoặc cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty.

trên thị trường chứng khoán hay không¹ [2]. Nhìn chung, về hình thức, chức năng hoạt động của hai thể chế ID và Ban kiểm soát tương tự nhau. Tuy nhiên đây là hai cơ chế giám sát thuộc hai mô hình quản trị công ty khác nhau nên giữa chúng cũng có những điểm khác biệt nhất định.

2. Sự tương quan giữa thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Ban kiểm soát

Đầu tiên, là sự khác biệt về địa vị pháp lý giữa thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Ban kiểm soát. Xuất phát từ cơ cấu tổ chức quản lý công ty, ID là một thành viên của Hội đồng quản trị, tức là ID tồn tại như một người quản lý công ty. Trên cơ sở những nguyên tắc quản trị [3], ID được thiết kế nhằm mục đích tăng cường tính độc lập của Hội đồng quản trị và họ đảm nhận luôn chức năng giám sát. Còn Ban kiểm soát trong cấu trúc quản trị công ty tại Việt Nam là một bộ phận riêng biệt với Hội đồng quản trị. Về địa vị pháp lý, Ban kiểm soát được các cổ đông ủy thác nhiệm vụ giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành nhân danh cổ đông. Nói cách khác, thành viên Ban kiểm soát không có địa vị là người quản lý công ty, họ không có quyền lực để ra quyết định mà chỉ có quyền giám sát. Trong khi đó, ID là một

phần của Hội đồng quản trị - nơi các quyết định trọng yếu được thảo luận và đưa ra. Như vậy, mặc dù đều thực hiện hoạt động giám sát nhưng địa vị pháp lý của ID và Ban kiểm soát là khác nhau.

Mặt khác, về nguyên tắc, các ID có quyền lực và nghĩa vụ pháp lý ngang bằng với các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị. Do đó, họ không cảm thấy bị đe dọa bởi quyền hạn của các đồng sự trong việc thực hiện chức năng của mình. Trên thực tế, các thành viên Hội đồng quản trị, trong đó có ID có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc và những chức danh quản lý quan trọng khác trong công ty. Về mô hình, Ban kiểm soát cũng có thể ngang cấp với Hội đồng quản trị và trên cả Ban giám đốc. Tuy nhiên trên thực tế, Ban kiểm soát còn rất nhiều khó khăn để đạt được vị trí tương ứng như trong thiết kế đó². Theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành cũng như quy chế quản trị công ty, Ban kiểm soát không có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách

² Trong nhiều công ty niêm yết tại Việt Nam hiện nay, Ban kiểm soát thường bị Hội đồng quản trị chi phối, vì thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là những cổ đông lớn - những người có khả năng đưa ra các quyết định lựa chọn và bầu thành viên Ban kiểm soát nên phần lớn thành viên Ban kiểm soát là người lao động, dưới quyền quản lý - điều hành của chính những người mà họ có bổn phận giám sát. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát.

¹ Theo quy định tại Điều 55 :uật Doanh nghiệp 2014, công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 11 thành viên trở lên phải thành lập Ban kiểm soát.

chức các thành viên của bộ máy quản lý, điều hành cũng như không có chức năng tham gia quyết định các vấn đề quan trọng trong công ty. Như vậy, trong một chừng mực nhất định, khả năng thực thi quyền giám sát của ID được đảm bảo hơn Ban kiểm soát.

Thứ hai, nhìn một cách tổng quát thì chức năng của ID và Ban kiểm soát tương tự nhau, tuy nhiên nếu đi sâu vào hoạt động của từng thiết chế, ta nhận thấy có sự khác biệt về phạm vi trách nhiệm và quyền hạn. Theo quy định, Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc, thẩm định các loại báo cáo bắt buộc trong công ty, kiểm tra tính trung thực trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty bất cứ khi nào thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông (Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2014) [2]. Thông qua việc thực hiện chức năng của mình, Ban kiểm soát đảm bảo các hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ phận điều hành là tuân thủ pháp luật, phù hợp với các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, Ban kiểm soát có quyền kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều

hành hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát còn có quyền tiếp cận thông tin với nhiều phương thức khác nhau. Còn ID với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị chủ yếu giám sát tính trung thực trong quá trình ra quyết định của Hội đồng quản trị và kiểm soát tình trạng lạm quyền của bộ phận điều hành. Như vậy, phạm vi giám sát của ID không rộng như của Ban kiểm soát.

Với yêu cầu các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán phải thành lập Hội đồng quản trị có 1/3 tổng số thành viên là ID theo quy chế quản trị công ty tại Việt Nam hiện nay, đồng nghĩa với việc tại các công ty niêm yết có hai cơ chế cùng tồn tại song song và đảm nhận chức năng giám sát. Nếu không có sự sắp xếp hài hòa và phân định chức năng hợp lý sẽ dẫn đến tình trạng chồng chéo, làm gia tăng chi phí giám sát mà hiệu quả giám sát không cao, thậm chí bị suy giảm bởi tình trạng “cha chung không ai khóc”. Điều này yêu cầu Việt Nam phải có sự điều chỉnh phù hợp trong hệ thống pháp luật về quản trị công ty nhằm điều hòa chức năng và trách nhiệm pháp lý giữa ID và Ban kiểm soát để tránh sự chồng chéo.

ID và Ban kiểm soát là hai cơ chế giám sát thuộc hai mô hình quản trị công ty khác nhau. Cả ID và Ban kiểm soát đều có những ưu điểm và khuyết điểm trong hoạt động của mình, không có thiết chế nào là hoàn hảo. Tuy nhiên cả hai đều có chung mục tiêu giám sát

là tăng cường tính minh bạch trong hoạt động quản lý, đảm bảo việc thực hiện và tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông, nhà đầu tư và công ty. Vì vậy nếu thiết lập được một cơ chế phối hợp hoạt

động hợp lý, hai thiết chế trên có thể bổ sung những khuyết điểm của nhau để cải thiện và tăng cường hiệu quả giám sát công ty.

Bảng 1: So sánh một số đặc trưng cơ bản giữa ID và Ban kiểm soát

Tiêu chí	ID	BAN KIỂM SOÁT
Chức năng	<p><i>Chức năng quản lý công ty¹</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty. - Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty. - Các nghĩa vụ khác theo quy định 	<p><i>Chức năng chung (Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2014) [2]</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. - Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. - Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm

¹ Như các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, ID cũng thực hiện nhiệm vụ của người quản lý công ty như đưa ra các quyết định chiến lược và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; kiến nghị các vấn đề liên quan đến việc chào bán và mua lại cổ phần công ty; quyết định phương án và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; quyết định thành lập công ty con, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty và một số nhiệm vụ khác.

<p>của pháp luật và Điều lệ công ty (Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2014) [2].</p> <p>ID thực hiện chức năng quản lý thông qua quá trình tham gia thảo luận và ra quyết định của Hội đồng quản trị, đồng thời đảm bảo những quyết định đó được đưa ra công bằng và hợp lý.</p> <p><i>Chức năng giám sát</i></p> <p>- Thứ nhất, ID giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy tắc quản trị của công ty. ID giám sát hoạt động của Giám đốc/Tổng giám đốc và những người quản lý khác để đảm bảo công ty vẫn tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Sự giám sát của ID nhằm thúc đẩy những người điều hành thực thi nghĩa vụ một cách trung thực, hiệu quả, đảm bảo sự minh bạch trong việc sử dụng tài sản công ty và phân chia cổ tức giữa các cổ đông. Chức năng giám sát của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về mặt lý thuyết tương tự như chức năng giám sát của Ban kiểm soát trong công ty cổ phần ở Việt Nam.</p> <p>- Thứ hai, ID giám sát hoạt động quản lý và ngăn ngừa xung đột lợi ích nhằm bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động của công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông¹. Theo đó, ID có trách nhiệm xem xét,</p>	<p>toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</p> <p>- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; và Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>Chức năng giám sát</i></p> <p>- Giám sát hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính và các hoạt động rà</p>
--	---

¹ Hoạt động giám sát này xuất phát từ quan điểm cho rằng các vấn đề kinh tế, mối quan hệ trong nội bộ công ty nên được điều chỉnh bằng một sự thỏa thuận để đảm bảo sự minh bạch trong công ty mà không mang tính chất áp đặt từ phía Nhà nước. Theo đó trong thành phần Hội đồng quản trị của công ty tồn tại thành viên độc lập, sử dụng quyền lực được trao đưa ra những cảnh báo cần thiết về sự tuân thủ, không tuân thủ những nguyên tắc quản trị công ty, phát hiện những hành vi vượt quá thẩm quyền của Ban giám đốc, kiểm soát những rủi ro có thể gây bất lợi cho công ty và cổ đông.

	<p>phân tích, đánh giá một cách khách quan và cân trọng những vấn đề tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, hạn chế việc lạm dụng tài sản công ty và giao dịch nội gián, đề xuất những giải pháp xử lý và ngăn ngừa hiệu quả. Mặt khác, dù ID đảm nhận vai trò giám sát hoạt động của những người điều hành công ty và các thành viên Hội đồng quản trị khác, nhưng họ cũng có nghĩa vụ phải thực thi trách nhiệm của mình một cách trung thực và khách quan.</p>	<p>soát, giám sát hoạt động kinh doanh khác của công ty. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. - Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. - Giám sát thông qua quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p>
<p>Tính bắt buộc</p>	<p>Công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác¹: + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông</p>	<p>Công ty cổ phần có từ 11 cổ đông trở lên phải thành lập Ban kiểm soát, trường hợp có ít hơn 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc, có thể thành lập Ban kiểm soát phù hợp với yêu cầu</p>

¹Một là, đối với công ty chưa niêm yết: Nếu hoạt động theo mô hình 2 quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp: Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng có ít hơn 05 người, công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Nếu hoạt động theo mô hình 1 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp thì trong công ty đại chúng loại này không bắt buộc có thành viên độc lập, tuy nhiên vẫn phải bảo đảm có tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.

Hai là, đối với công ty niêm yết: Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập trong mọi trường hợp.

	<p>và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;</p> <p>+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.</p>	<p>quản trị của công ty (theo quy định tại điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014) [2].</p>
<p>Tiêu chuẩn</p>	<p><i>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị</i> là thành viên [4]:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định. - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp điều lệ công ty quy định khác. - Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định. - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên</i> (Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014) [2] - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định. - Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác. - Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. - Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

	<p>nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
<p>Nguyên tắc hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty. - Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty. - Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty. - Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. - Trường hợp vi phạm mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và

		<p>lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.</p> <p>- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.</p>
<p>Tiền lương và quyền lợi khác (Điều 158, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2014) [2]</p>	<p>Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Trường hợp điều lệ công ty không có quy định khác thì thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:</p> <p>+ Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <p>+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</p> <p>+ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính</p>	<p>Trong trường hợp điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương và quyền lợi khác của kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>+ Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>+ Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>+ Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập</p>

	hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.
--	---	---

3. Một số kiến nghị

Để đảm bảo hoạt động quản trị công ty ngày một hiệu quả hơn, cần có các giải pháp phối hợp hoạt động nhằm phát huy chức năng, vai trò giữa thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Ban kiểm soát.

- Xây dựng một cơ chế hỗ trợ để ID và Ban kiểm soát phối hợp hoạt động như thiết lập kênh liên lạc riêng để ID và Ban kiểm soát trao đổi thông tin, chia sẻ và đóng góp ý kiến trong hoạt động giám sát của nhau, góp phần điều hòa những mâu thuẫn, xung đột về quan điểm liên quan đến những vấn đề quan trọng của công ty.

- Thiết lập một cơ chế giám sát lẫn nhau. Theo đó, thành viên Ban kiểm soát có quyền giám sát hoạt động của ID trong tư cách là một thành viên của Hội đồng quản trị, mặt khác ID cũng có quyền kiểm tra hoạt động của Ban kiểm soát để thúc đẩy họ thực thi trách nhiệm tích cực và chủ động hơn.

- Định hướng chức năng giữa ID và Ban kiểm soát thông qua việc xác định rõ ràng, cụ thể về phạm vi giám sát của ID và Ban kiểm soát trong công ty cho phù hợp, tránh tình trạng “chỗ thừa chỗ thiếu”, vừa tăng chi phí giám sát mà lại

không hiệu quả. Theo đó, phạm vi hoạt động của ID trong vai trò giám sát là đánh giá quá trình ra quyết định của Hội đồng quản trị, còn Ban kiểm soát chủ yếu là giám sát tính hợp lý của các vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ban giám đốc và bộ phận điều hành. Đây là hai phạm trù giám sát khác nhau. Xét trong phạm vi giám sát, ID là giám sát bên trong còn Ban kiểm soát là giám sát bên ngoài. Việc phân định trách nhiệm và phạm vi giám sát hợp lý sẽ tránh được tình trạng trùng lặp, chồng chéo giữa ID và Ban kiểm soát.

Tóm lại, mặc dù cả Ban kiểm soát và ID đều thực thi chức năng giám sát nhưng trong một giới hạn nhất định, thể chế ID và Ban kiểm soát có thể cùng tồn tại trong cơ cấu quản trị công ty của Việt Nam. Nói cách khác, trong sự phân định trách nhiệm và quyền hạn thích hợp, Ban kiểm soát và ID có thể sẽ là sự bổ sung những khiếm khuyết của nhau, ví như hoạt động của ID là phương thức “gắn cánh cho hổ” nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong hoạt động giám sát của Ban kiểm soát tại các công ty cổ phần hiện nay.

4. Kết luận

Nhìn chung, những quy định hiện hành liên quan đến ID và Ban kiểm soát tại Việt Nam chủ yếu mang tính ghi nhận theo thông lệ quốc tế mà chưa phản ánh từ nhu cầu thực tiễn hoạt động quản trị tại các công ty hiện nay, đặc biệt là các công ty được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Các văn bản pháp lý liên quan hiện nay mặc dù đã có những sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn còn rất hạn chế, chủ yếu trong lĩnh vực chứng khoán mà chưa có quy định thống nhất, khung pháp lý chưa đầy đủ, không có văn bản hướng dẫn quy định cụ thể để tạo cơ chế cho ID hay Ban

kiểm soát phát huy vai trò của mình là nguyên nhân chủ yếu khiến cho việc thực hiện các quy định về quản trị doanh nghiệp tại các công ty niêm yết hiện nay chưa cụ thể, thiếu đồng bộ và mang nặng tính hình thức. Thực trạng này đã và đang gây ra nhiều bất cập cho cả doanh nghiệp và cổ đông. Thực tế là các vấn đề liên quan đến ID và Ban kiểm soát được đề cập chủ yếu trong các hội thảo khoa học, các tạp chí tài chính và luật học hơn là xuất hiện trong các văn bản pháp lý về quản trị công ty tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Xuân Hải (2006), “So sánh cấu trúc quản trị nội bộ của công ty cổ phần Việt Nam với các mô hình điển hình trên thế giới”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý* (06), tr. 14-20
2. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp*, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
3. OECD (1999, 2004, 2010), *Principles of Corporate Governance*, Paris
4. Chính Phủ (2017), “Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017, Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng”

THE INDEPENDENT DIRECTOR AND THE SUPERVISORY BOARD IN VIETNAM'S CORPORATE GOVERNANCE STRUCTURE OF JOINT-STOCK COMPANIES

ABSTRACT

In recent years, Vietnam has joined the corporate governance debate and introduced the independent director (ID) to improve the corporate governance of listed corporations, especially in joint stock companies. With civil law traditions in Vietnam, we have a model where a supervisory board is established in corporate governance law. Since both supervisors and independent directors serve as monitors, the functions of them overlap? The article discusses the correlation between ID and

supervisory board, and provides some suggestions for its improvement in Vietnam. Particularly, this article argues whether and how ID and the supervisory board can co-exist in Vietnam's corporate governance structure. This article suggests that the supervisory board, after improving its power and structure, would be a good supplementary institution to alleviate the defects of ID. It is necessary to formulate a sound legal system for ID and the supervisory board to work effectively.

Keywords: *Corporate governance, independent director, supervisory board*

(Received: 22/3/2018, Revised: 30/3/2018, Accepted for publication: 28/5/2018)